

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỆ THỦY
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 19 - 12 - 2024

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỆ THỦY, TỈNH QUẢNG BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Hải;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Mậu Hiệu và ông Trương Quang Huy;

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Tuyết Mai - Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình.

Trong ngày 19 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình mở phiên tòa xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số 82/2024/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 40/2024/QĐST-HNGĐ ngày 03/12/2024; giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trương Thị T, sinh năm 1993;

Địa chỉ: Xóm F, thôn T, xã P, huyện L, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Trần Văn T1, sinh năm 1993;

Địa chỉ: Xóm F, thôn T, huyện L, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Nguyên đơn chị Trương Thị T trong đơn khởi kiện đề ngày 15/7/2024, bản tự khai ngày 13/8/2024:* Chị Trương Thị T và anh Trần Văn T1 kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn K, huyện L, tỉnh Quảng Bình vào ngày 16/01/2014. Sau kết hôn vợ chồng chung sống tại thôn T, xã P, huyện L, tỉnh Quảng Bình, đến năm 2021 thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh T1 ngoại tình, nợ nần, khiến vợ chồng không còn tiếng nói chung, cuộc sống không còn hòa hợp, không còn sự tin tưởng với nhau. Mặc dù hai bên gia đình đã hòa giải nhiều lần nhưng không thể giải quyết được mâu thuẫn. Chị T và anh T1 đã sống ly thân từ năm 2021 cho đến nay không ai quan tâm đến ai. Nay chị T xác định hiện tại tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn anh Trần Văn T1.

Về con chung: Vợ, chồng có 02 con chung là Trần Minh K, sinh ngày 11/7/2014 và Trần Minh N, sinh ngày 16/5/2021. Hiện tại các con đang sống với mẹ. Nếu ly hôn chị Trương Thị T có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con. Không yêu cầu anh T1 phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

* Bị đơn anh Trần Văn T1 dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh Trần Văn T1 vẫn không đến Tòa án để giải quyết vụ việc, không có văn bản nêu ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của chị T, mặc dù anh T1 đang làm ăn sinh sống tại Xóm F, thôn T, huyện L, tỉnh Quảng Bình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Yêu cầu khởi kiện của chị Trương Thị T xin ly hôn anh Trần Văn T1 là tranh chấp về hôn nhân và gia đình về ly hôn, tranh chấp nuôi con, được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình thụ lý giải quyết là đúng quy định của pháp luật.

[2] Việc vắng mặt của bị đơn anh Trần Văn T1 tại phiên tòa lần thứ hai không phải vì trở ngại khách quan hoặc sự kiện bất khả kháng, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và trình bày của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa thì chị Trương Thị T và anh Trần Văn T1 kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn K, huyện L, tỉnh Quảng Bình vào ngày 16/01/2014, nên hôn nhân của chị Trương Thị T và anh Trần Văn T1 là hợp pháp.

[4] Về mâu thuẫn: Theo trình bày của nguyên đơn chị Trương Thị T trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, thì sau kết hôn vợ chồng chung sống tại thôn T, xã P, huyện L, tỉnh Quảng Bình, đến năm 2021 thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh T1 ngoại tình, nợ nần, khiến vợ chồng không còn tiếng nói chung, cuộc sống không còn hòa hợp, không còn sự tin tưởng với nhau. Mặc dù hai bên gia đình đã hòa giải nhiều lần nhưng không thể giải quyết được mâu thuẫn. Chị T và anh T1 đã sống ly thân từ năm 2021 cho đến nay không ai quan tâm đến ai. Nay chị T xác định hiện tại tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn anh Trần Văn T1.

[5] Qua xem xét, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Trương Thị T và anh Trần Văn T1 xảy ra trong một thời dài không thể hàn gắn được,

nguyên nhân theo chị Trương Thị T là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, anh Trần Văn T1 ngoại tình, nợ nần, không chăm lo cuộc sống gia đình. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, vợ chồng không quan tâm đến nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hiện tại, anh T1 đang cư trú, sinh sống tại Xóm F, thôn T, huyện L, tỉnh Quảng Bình, mặc dù đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần đến làm việc, nhưng anh T1 vẫn không đến Tòa án để Tòa án hòa giải động viên vợ chồng trở lại đoàn tụ nuôi dạy con cái. Tại phiên tòa lần thứ hai hôm nay, đã được triệu tập, nhưng anh T1 vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, chứng tỏ anh T1 cũng không tha thiết gì đến việc hàn gắn xây dựng hạnh phúc gia đình, có ý bỏ mặc. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trương Thị T, xử cho chị Trương Thị T ly hôn anh Trần Văn T1 là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[6] Về nuôi con chung: Chị Trương Thị T và anh Trần Văn T1 có 02 con chung là Trần Minh K, sinh ngày 11/7/2014 và Trần Minh N, sinh ngày 16/5/2021. Hiện tại các con đang sống với mẹ. Nếu ly hôn chị Trương Thị T có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con. Không yêu cầu anh T1 phải cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy, cháu Trần Minh K có nguyện vọng được sống cùng với mẹ (*Theo Đơn trình bày nguyện vọng của con ngày 28/8/2024*), con Trần Minh N hiện tại còn nhỏ. Chị T có nguyện vọng được nuôi con vì con còn nhỏ, tại phiên tòa, chị T đã chứng minh về mức thu nhập của mình, có đủ khả năng để nuôi dưỡng con, nên không cần anh T1 phải cấp dưỡng cho con. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T, giao con chung Trần Văn T1 và Trần Minh K cho chị T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi, anh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con. Sau này vì quyền lợi của con chung các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Theo chị Trương Thị T trình bày thì trong thời gian chung sống chị T và anh T1 không có tài sản chung và nợ chung, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh T1 không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo luật định.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 264, Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn chị Trương Thị T.
2. Xử cho chị Trương Thị T ly hôn anh Trần Văn T1.
3. Giao con Trần Minh K, sinh ngày 11/7/2014 và Trần Minh N, sinh ngày 16/5/2021 cho chị T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh T2 không phải cấp dưỡng nuôi con

Anh T2 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

Sau này, vì quyền lợi của con chung, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung.

4. Án phí: Chị Trương Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm.

Tiền án phí chị T phải chịu được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án huyện Lệ Thủy theo biên lai số 0004425 ngày 15/7/2024.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Trương Thị T có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 19/12/2024); bị đơn anh Trần Văn T1 vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ cho bị đơn theo quy định của pháp luật, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Lệ Thủy;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Chi cục THADS huyện L;
- UBND thị trấn K (để ghi vào sổ Hộ tịch, ĐKKH ngày 16/01/2014);
- Lưu hồ sơ vụ án.
- Lưu VP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thanh Hải

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Lệ Thủy;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Chi cục THADS huyện Lệ Thủy;
- UBND thị trấn Kiến Giang (để ghi vào sổ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hội tịch, ĐKKH ngày 16/01/2014);

- Lưu hồ sơ vụ án.

- Lưu VP;

Nguyễn Thanh Hải

